

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2023

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây;
- Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T. Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T. Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T. Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 318/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Ng V Đ, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ 1, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: ông P H T, sinh năm 1995; địa chỉ: tổ 1, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ng V Đ trình bày:

Bà Đ và ông T chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T Vĩnh Hiệp, thị xã (nay là thành

phố) T Uyên vào ngày 22/3/2018. Sau khi cưới, vợ chồng bà Đ, ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Khi phát hiện sự việc, bà Đ đã đưa con về sinh sống tại nhà cha mẹ ruột và vợ chồng đã ly thân được khoảng hơn 01 năm. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn trầm trọng không thể giải quyết nên bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: trong quá trình chung sống có 01 con chung tên P H A, sinh ngày 25/10/2018, cháu An đang sống với bà Đ. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông P H T được Tòa án thông báo hợp lệ về việc bị khởi kiện nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình Tòa án giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông P H T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông P H T.

[2] Bà Ng V Đ và ông P H T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã (nay là thành phố) Tân Uyên vào ngày 22/3/2018, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà Đ thì trong thời gian chung sống giữa bà Đ và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Bà Đ và ông T đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông T tham gia tố tụng nhưng ông T vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông T vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Đ và ông T là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: bà Đ và ông T có 01 con chung tên P H A, sinh ngày 25/10/2018. Xét yêu cầu nuôi con của bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: cháu An hiện đang sống với bà Đ, bà Đ có công việc ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu An. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, giao cháu An cho bà Đ nuôi dưỡng, là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Đ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc bà Đ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ng V Đ đối với bị đơn ông P H T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” như sau:

- Về hôn nhân: bà Ng V Đ được ly hôn với ông P H T.

- Về con chung: giao con chung tên P H A, sinh ngày 25/10/2018 cho bà Ng V Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ông P H T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P H A, sinh ngày 25/10/2018 mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, cho đến khi cháu An đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Ng V Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008053 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: ông P H T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T Uyên;
- Chi cục THA dân sự thành phố T Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp